TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2019
"V/v tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Nhập**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lương Thị Hồng Hạnh**.

Ông **Võ Văn Liềm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Tuyết** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn**: Ông Sử Văn H, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 28/12/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Anh Đ trình bày:

Vào năm 1990 bà kết hôn cùng ông Sử Văn H. hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đầm ấm trên 20 năm đến năm 2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc

sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng trong cách sống, sinh hoạt, vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc và ông H ghen tuông vô cớ từ đó vợ chồng thường xuyên cải vã, không có hạnh phúc, bà đã nhiều lần bỏ nhà đi. Vì vậy, bà quyết định đơn phương xin ly hôn với ông Sử Văn H để giải thoát cho bản thân.

Quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung là: Sử Văn Th – sinh năm 1992 đã lập gia đình và Sử Chí K – sinh ngày 18/9/2007, hiện đang sống cùng với bà.

Tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận với nhau, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa bà Đ xin được ly hôn với ông Sử Văn H; về con chung, bà xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận với nhau; nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 18/02/2019: Bị đơn ông Sử Văn H thống nhất lời khai của bà Đ về hôn nhân, con chung của vợ chồng.

Về lý do xin ly hôn mà bà Đ đưa ra thì ông không thống nhất vì theo ông vợ chồng không có mâu thuẫn gì, khoảng một năm gần đây do bà Đ nói xấu ông với người khác từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và những việc khác không hòa giải được với nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ông H đồng ý ly hôn, ông xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận với nhau; nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại phiên tòa, ông H không đồng ý ly hôn, ông H yêu cầu vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên bà Nguyễn Anh Đ khởi kiện xin ly hôn với ông Sử

Văn H được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS 2015).

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Anh Đ và ông Sử Văn H xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 1990, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống cho đến nay ông bà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông bà đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau. Tại phiên tòa, ông H không đồng ý ly hôn mà yêu cầu đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con, bà Đ không đồng ý hòa giải đoàn tụ, bà Đ kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà phát sinh từ mâu thuẫn về tiền bạc, chi tiêu và do ông H ghen tuông vô cớ. Tuy mâu thuẫn không lớn nhưng kéo dài nhiều năm, bà Đ nhiều lần bỏ nhà đi, ông bà được gia đình hai bên khuyên can, động viên, ông H hứa khắc phục nhưng không sửa chữa được nên mâu thuẫn vợ chồng càng lớn. Cho nên mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp, tại thời điểm xét xử Luật Hôn nhân và gia đình đã được sửa đổi, bổ sung nên theo Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX nghĩ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân của ông bà là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Đ và ông H xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên: Sử Văn Th – sinh năm 1992 (đã lập gia đình và ở riêng) và Sử Chí K – sinh ngày 18/9/2007, cháu K hiện đang sống cùng bà Đ nhưng bà Đ và ông H đều có nguyện vọng được nuôi con.

HĐXX thấy rằng cháu K từ trước đến nay đều do bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu được học hành và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Hơn nữa, cháu K cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà Đ. Do đó, xét thấy yêu cầu nuôi con của bà Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu xin nuôi con của ông H thì ông H không đưa ra lý do chứng minh ông có điều kiện nuôi con tốt hơn bà Đ cũng như không xem xét đến nguyện vọng của cháu K. Do đó, cần giao Sử Chí K – sinh ngày 18/9/2007 cho bà Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu K và đúng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau; nợ chung: Không có, không ai có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đ bà Đ phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 131, khoản 1 Điều 14, 53 và Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Anh Đ và ông Sử Văn H là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Sử Chí K – sinh ngày 18/9/2007 cho bà Nguyễn Anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Sử Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Sử Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Anh Đ phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0000989**, ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Nguyễn Anh Đ đã nộp xong án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 15/3/2019.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *UBND xã Vĩnh Tuy;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhập